SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN; 24/01/2024 09:17:09

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy

hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 9683/BC-HĐTĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 10938/BKHĐT-QLQH ngày 27 tháng 12 năm 2023 về tổng hợp ý kiến rà soát đối với hồ sơ Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Toàn bộ địa giới hành chính phần lãnh thổ đất liền tỉnh Quảng Nam và vùng không gian biển được xác định theo Luật biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Tỉnh Quảng Nam với diện tích tự nhiên 10.574,86 km2, có tọa độ: từ 14°57’10” đến 16°03’50” vĩ độ Bắc, từ 107°12’40” đến 108°44’20” kinh độ Đông; phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng, phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Kon Tum, phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, phía Đông giáp Biển Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và các quy hoạch liên quan.

Chủ động kiến tạo, đổi mới mạnh mẽ tư duy, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của tỉnh; không đánh đổi môi trường lấy phát triển kinh tế; phát triển kinh tế với tư duy kinh tế xanh, hài hòa với tự nhiên, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp nhằm giảm thiểu chất thải phát sinh, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng

“0” vào năm 2050; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo động lực phát triển nhanh và bền vững.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế trên nền tảng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tham gia sâu vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị của toàn cầu. Kết hợp giữa nội lực với ngoại lực, phấn đấu một số ngành, lĩnh vực thuộc nhóm dẫn đầu cả nước như công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí; công nghiệp chế biến sản phẩm nông nghiệp, dược liệu; công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng; dịch vụ du lịch.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội và giảm nghèo; đẩy mạnh tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Quan tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

Phát triển kinh tế gắn với giữ gìn cảnh quan, bảo tồn di sản. Khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Phát huy tối đa nhân tố con người, lấy con người làm trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; khơi dậy khát vọng xây dựng quê hương phồn vinh, hạnh phúc, phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa truyền thống, ý chí tự lực, tự cường, bền bỉ của con người Xứ Quảng. Lấy đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, lâu dài.

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới quốc gia; mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Quảng Nam phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước; là cực tăng trưởng quan trọng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên; có mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ theo hướng hiện đại; phát triển hàng không, cảng biển, dịch vụ logistics, du lịch, công nghiệp cơ khí ô tô, cơ khí chế tạo, điện khí mang tầm khu vực; hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu, chế biến sâu sản phẩm nông lâm nghiệp, silica mang tầm quốc gia; có cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao; có nền văn hóa giàu bản sắc; đa số các cơ sở y tế, giáo dục đạt chuẩn quốc gia; có hệ thống đô thị đồng bộ, gắn kết với nông thôn.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt trên 8%/năm. Cơ cấu kinh tế: Khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng

9 - 9,5%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 37,5 - 37,8%; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 36 - 37,0%; thuế trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 16,2 - 17,0%. GRDP bình quân đầu người đạt trên 7.500 USD. Năng suất lao động tăng bình quân 6,5 - 7%/năm. Kinh tế số đóng góp khoảng 30% GRDP. Tỷ lệ vốn đầu tư trên GRDP bình quân hằng năm trên 30%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân hằng năm trên 12%. Thu ngân sách tăng bình quân hằng năm trên 10%. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng bình quân hằng năm trên 15%. Thu hút trên 15 triệu lượt khách du lịch, trong đó khoảng 08 triệu lượt khách quốc tế và 07 triệu khách nội địa. Thuộc nhóm tốt của cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước, chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công, chỉ số chuyển đổi số.

- Về văn hóa - xã hội: Tốc độ tăng dân số bình quân trên 1,8%/năm. Tỷ lệ người lao động qua đào tạo đạt 75 - 80%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%. Giải quyết việc làm mới tăng thêm mỗi năm 15.000 lao động. Tỷ lệ hộ nghèo dưới 3%. Có trên 75% trường mầm non, trên 90% trường tiểu học, trên 85% trường trung học cơ sở và 60% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; 60% cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức dạy bơi cho học sinh. Đạt tỷ lệ 16 bác sĩ/vạn dân, 48 giường bệnh/vạn dân, 100% số xã đạt chuẩn tiêu chí quốc gia về y tế. Duy trì tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 97%. Tuổi thọ bình quân đạt trên 75 tuổi. 100% di tích đã xếp hạng được tu bổ, tôn tạo; 100% di sản phi vật thể thuộc danh mục di sản phi vật thể quốc gia được bảo tồn, phát huy giá trị.

- Về môi trường, sinh thái: Tỷ lệ che phủ rừng đạt 61%. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100 %; tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 60% số hộ được sử dụng nước sạch từ các nguồn theo quy chuẩn. 100% khu công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, 100% các cụm công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại đô thị được thu gom và xử lý đạt 100%, tại các điểm dân cư nông thôn đạt trên 90%; chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý đạt 100%; chất thải rắn nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 90%. 100% các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu rừng đặc dụng, vườn quốc gia được đầu tư cho công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng, phục hồi đa dạng sinh học và khai thác bền vững; 100% người dân ở vùng đệm được cải thiện sinh kế gắn với khu vực cần bảo vệ.

- Về kết cấu hạ tầng: Đầu tư Cảng hàng không Chu Lai đạt tiêu chuẩn cảng hàng không quốc tế với quy mô cấp 4F. Cảng biển Quảng Nam đạt tiêu chuẩn loại I tiếp nhận tàu đến 50.000 DWT. 100% các trục giao thông quốc lộ, tỉnh lộ và các trục giao thông quan trọng kết nối các khu chức năng, các vùng sản xuất tập trung được nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch; trên 60% trục đường chính trong các đô thị được đầu tư hoàn chỉnh. Giao thông đường thủy nội địa thông suốt đúng chuẩn

tắc luồng, đặc biệt là các tuyến đường thủy nội địa trên các sông Trường Giang, Cổ Cò, Thu Bồn, Vĩnh Điện. Hình thành một số loại hình giao thông thông minh. Hạ tầng số hiện đại và dữ liệu số đồng bộ, hoàn chỉnh, mạng 4G/5G phủ sóng 100% các địa phương trong tỉnh, tạo nền tảng để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. 100% các đường trục chính tại các phường, thị trấn được nâng cấp, mở rộng theo chuẩn đô thị tương ứng. Nhựa hoá và bê tông hoá 100% đường huyện, xã; cứng hóa và mở rộng theo tiêu chuẩn nông thôn mới 100% đường thôn. Kiên cố hoá 80% kênh mương các loại và công trình thuỷ lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng. 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn năng lượng tái tạo.

- Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh. 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự và cơ sở vững mạnh toàn diện. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng thế trận lòng dân, thế trận khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững chắc, phù hợp với sự phát triển của tình hình phòng thủ chung của đất nước. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ biên giới và mốc giới quốc gia; tăng cường công tác đối ngoại quốc phòng, đối ngoại nhân dân, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Nam phát triển toàn diện, hiện đại và bền vững, mang đậm bản chất văn hoá đặc trưng con người Xứ Quảng; phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc trung ương, có đóng góp lớn cho ngân sách trung ương; là trung tâm du lịch quốc tế quan trọng trên cơ sở phát huy tối đa giá trị các di sản văn hoá thế giới và khu dự trữ sinh quyển thế giới. Cơ cấu nền kinh tế hài hòa, hợp lý với tính tự chủ và năng lực cạnh tranh cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Phát triển kinh tế - xã hội hài hoà giữa các khu vực đô thị và nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu, chất lượng môi trường tốt. Chỉ số phát triển con người và thu nhập của người dân ở mức cao, đời sống hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới trên đất liền, biển, đảo được giữ vững và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm và khâu đột phá phát triển của tỉnh

a) Hoàn thiện hệ thống hạ tầng

- Đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông chiến lược như giao thông liên vùng Đông - Tây, cảng hàng không, cảng biển, hạ tầng logistics, hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, hạ tầng đô thị, hạ tầng trọng yếu của khu vực nông thôn, hạ tầng công nghệ thông tin, viễn thông, văn hóa, y tế, giáo dục. Lấy phát triển bền vững kinh tế biển làm trọng tâm, xây dựng Quảng Nam trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, động lực phát triển của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, Tây Nguyên với hệ thống giao thông đồng bộ; liên kết vùng và quốc tế thông suốt; hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô

thị, khu du lịch ven biển sinh thái, hiện đại; hạ tầng nông thôn cải thiện rõ nét, hạ tầng nông nghiệp phát triển bền vững.

- Nâng cao chất lượng đô thị hóa ở cả các đô thị hiện hữu và đô thị mới. Từng bước giảm áp lực cho đô thị cổ Hội An trên cơ sở phát triển không gian đô thị vùng Đông thị xã Điện Bàn và các huyện Duy Xuyên, Thăng Bình; phát triển mạnh thành phố Tam Kỳ trên cơ sở tổ chức sáp nhập hợp lý không gian với huyện Núi Thành, liên kết phát triển với các khu vực xung quanh.

b) Nâng cao năng lực cạnh tranh

- Phát huy tiềm năng, vai trò có tính động lực, lợi thế cạnh tranh của Khu kinh tế mở Chu Lai; tiềm năng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang; mở rộng và hình thành thêm các khu công nghiệp tại các vị trí thuận lợi nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của vùng. Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành công nghiệp cơ khí, tự động hóa, chế biến, chế tạo, vật liệu xây dựng. Tổ chức lại và nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản, công nghiệp dệt may, da giày; phát triển thêm các ngành công nghiệp mới như công nghiệp điện tử, sản xuất vật liệu mới, công nghiệp silica, công nghiệp dược liệu. Phát triển các loại hình dịch vụ du lịch mới như: Du lịch sự kiện, hội nghị, thể thao, du lịch nông thôn, miền núi; phát triển mạnh các khu du lịch ven biển, ven sông với đa dạng các loại hình vui chơi, giải trí, điều trị, chăm sóc sức khỏe.

- Chuyển đổi sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp gắn với tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong đó khuyến khích các loại hình kinh tế tập thể liên kết với doanh nghiệp tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, đảm bảo ổn định vùng nguyên liệu cho chế biến sâu; phát triển mạnh về số lượng và chất lượng các sản phẩm OCOP gắn với hoạt động khởi nghiệp. Hình thành một số cụm liên kết ngành trong lĩnh vực công nghiệp, du lịch, nông nghiệp với một số doanh nghiệp lớn làm hạt nhân, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh làm vệ tinh.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, thu hút, quản lý dự án đầu tư nước ngoài; ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế trọng điểm.

c) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phúc lợi xã hội

- Chuẩn hóa các trường lớp thuộc các cấp học, đảm bảo đủ lực lượng giáo viên đồng thời với nâng cao chất lượng giảng dạy và chất lượng học tập văn hoá, thể chất cho học sinh; cải thiện cơ bản điều kiện sinh hoạt và học tập cho con em học sinh đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Củng cố, mở rộng, nâng cao chất lượng các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn. Nâng cao chất lượng hệ thống y tế và số lượng y bác sỹ ở tất cả các tuyến; tăng cường hợp tác công – tư để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân, khuyến khích phát triển bệnh viện và phòng khám đa khoa tư nhân chất lượng cao.

- Nâng cấp, sử dụng hiệu quả các không gian sinh hoạt văn hóa, thể thao ở cơ sở, địa bàn khu dân cư. Nâng cấp, mở rộng và xây mới các thiết chế công cộng phục vụ cho người dân. Hình thành nhiều công viên chuyên đề, công viên cây xanh, quảng trường, sân tập thể thao tại các khu vực đô thị.

d) Nâng cao năng lực khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng gắn với tăng quy mô, chất lượng dân số và chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động sang công nghiệp, dịch vụ.

- Nghiên cứu và đề xuất cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng có hiệu quả chuyên gia khoa học và công nghệ là người nước ngoài và chuyên gia là người Việt Nam, đặc biệt là người Quảng Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu và đầu tư khoa học công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Ngành công nghiệp

- Phát triển công nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, chuyên môn hóa, tự động hóa cao; tăng nhanh tỷ trọng đóng góp của công nghiệp chế biến, chế tạo và trở thành trụ cột chính trong nền kinh tế. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, sản phẩm cơ khí, điện, điện tử; hình thành trung tâm cơ khí đa dụng và ô tô quốc gia, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ gắn với dịch vụ hậu cần, logistic cảng biển, sân bay, đường sắt. Thúc đẩy phát triển dự án Trung tâm điện khí miền Trung gắn với các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng và sản phẩm sau khí tại Khu kinh tế mở Chu Lai, tạo động lực phát triển mới cho tỉnh và vùng.

- Ưu tiên xây dựng các khu công nghiệp, khu công nghiệp công nghệ cao tại khu vực đồng bằng để thu hút các ngành công nghiệp có hàm lượng tri thức cao, tự động hóa, giá trị gia tăng cao, đóng góp ngân sách lớn. Đổi mới công nghệ, phát triển hợp lý, bền vững các ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến silica, may mặc, thời trang, đồ uống, hàng tiêu dùng, công nghiệp bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm gỗ. Đầu tư các cụm công nghiệp tại khu vực nông thôn, miền núi để phát triển các ngành công nghiệp gắn với giải quyết lao động, nguyên liệu tại chỗ; hạn chế tiếp nhận các ngành sản xuất sử dụng nhiều năng lượng, có nguy cơ gây ô nhiễm.

b) Ngành thương mại, dịch vụ và du lịch

- Phát triển dịch vụ tổng hợp hiện đại, giữ vai trò chủ đạo; hình thành trung tâm logistics, vận tải đa phương thức; phát triển Cảng hàng không quốc tế Chu Lai và hệ thống Cảng biển Quảng Nam gắn với các khu phi thuế quan, khu công nghiệp; xây dựng trung tâm logistics tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang phục vụ hàng hóa từ Thái Lan, Lào vào Việt Nam và ngược lại. Nâng cao chất lượng thương mại, dịch vụ khu vực nông thôn, miền núi; đẩy mạnh tiêu thụ nội địa và xuất khẩu các sản phẩm mang thương hiệu quốc gia sản xuất tại Quảng Nam đồng thời với đẩy mạnh tiêu thụ hàng Việt Nam chất lượng cao. Hình thành mạng lưới chợ, siêu thị văn minh, an toàn tại các trung tâm cấp huyện, xã, đồng thời với đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử. Phát triển dịch vụ bảo hiểm, ngân hàng hiện đại. Dịch vụ thông tin liên lạc, vận tải hàng hóa, chuyển phát nhanh đáp ứng yêu cầu phát triển; nâng cấp, đổi mới các hình thức vận tải công cộng.

- Khai thác không gian thiên nhiên - văn hóa Quảng Nam trở thành trung tâm du lịch đẳng cấp quốc tế trên cơ sở phát huy tối đa giá trị các Di sản văn hoá thế giới Hội An, Mỹ Sơn, Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm, tài nguyên biển, đảo, sông, hồ, núi rừng, các di tích lịch sử, văn hóa và đặc trưng con người Xứ Quảng; trọng tâm là phát triển các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, thể thao, sự kiện, hội nghị, chăm sóc sức khỏe...

c) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Phát triển nông nghiệp hữu cơ, an toàn theo hướng tăng cường liên kết chuỗi, ứng dụng công nghệ tiên tiến, thích ứng biến đổi khí hậu; chuyển đổi cây trồng các vùng khô hạn, nhiễm mặn, các vùng trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng, vật nuôi, các vùng chuyên canh rau màu, dược liệu có giá trị cao; hình thành các vùng sản xuất nông sản thực phẩm an toàn cung cấp cho đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch. Quy hoạch, đầu tư hạ tầng đảm bảo ổn định vùng lúa giống chất lượng cao. Phát triển nông nghiệp gắn với sản xuất các sản phẩm OCOP, đưa Quảng Nam trở thành địa phương dẫn đầu trong vùng về số lượng, chủng loại, chất lượng sản phẩm OCOP gắn với phong trào khởi nghiệp của thanh niên. Bảo tồn, phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với phát triển các sản phẩm nông nghiệp giàu bản sắc vùng miền. Khuyến khích phát triển chăn nuôi theo nhóm hộ, trang trại, quy mô bán công nghiệp, an toàn. Đẩy mạnh kinh tế vườn, kinh tế trang trại, chuyển đổi trồng các loại cây ăn trái theo mùa vụ với các loại hình hợp tác xã kết hợp phát triển du lịch cộng đồng.

- Phát triển rừng bền vững trên cơ sở tăng chất lượng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, phát triển thị trường tín chỉ carbon rừng, phát triển các loại cây dược liệu dưới tán rừng với sâm Ngọc Linh là sản phẩm chủ lực để sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hình thành trung tâm công nghiệp dược liệu tự nhiên. Tăng thu nhập cho lực lượng quản lý bảo vệ rừng và cải thiện sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng.

Chuyển đổi rừng sản xuất gỗ nhỏ sang trồng rừng gỗ lớn với các loại cây có giá trị cao, hình thành các vùng trồng rừng nguyên liệu liên kết ổn định giữa người dân với doanh nghiệp.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng nghề cá, bao gồm cảng cá và các khu neo đậu, tránh trú bão; chuẩn hóa đội tàu đánh bắt vùng lộng, vùng khơi, chuyển đổi nghề cá ven bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tổ chức nuôi biển phù hợp, khuyến khích nuôi thủy sản tại các hồ thủy lợi, thủy điện, tạo sinh kế ổn định cho đồng bào miền núi. Xã hội hóa mạnh dịch vụ hậu cần nghề cá, tạo chuyển biến tích cực về khai thác, bảo quản, chế biến sản phẩm thủy hải sản xuất khẩu. Phát triển khu bảo tồn thiên nhiên Cù Lao Chàm trở thành khu bảo tồn kiểu mẫu của cả nước.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Văn hóa, thể thao

- Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Xứ Quảng. Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa thế giới, khu dự trữ sinh quyển thế giới và hệ thống các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh để trở thành tài nguyên du lịch. Nghiên cứu, xây dựng khu Đền thờ các Vua Hùng, Công viên danh nhân, chí sĩ yêu nước đồng thời với hoàn thiện quần thể Tượng đài Mẹ Việt Nam anh hùng và các di tích lịch sử - văn hóa quan trọng khác trên địa bàn. Bảo tồn các tài nguyên văn hóa bản địa để xây dựng, phát triển các sản phẩm văn hóa đa dạng, độc đáo; đưa Quảng Nam trở thành trung tâm văn hóa nghệ thuật, điểm đến hấp dẫn hàng đầu về du lịch di sản văn hóa trong vùng với đô thị cổ Hội An và Khu di tích Mỹ Sơn làm hạt nhân. Đầu tư các quảng trường, công viên cấp đô thị và các công viên nhỏ, vườn hoa cây xanh, điểm sinh hoạt văn hóa – thể thao trong các khu dân cư.

- Đẩy mạnh xã hội hóa thể dục thể thao, xây dựng một số cơ sở thi đấu đạt chuẩn, đủ điều kiện để tổ chức các giải quốc gia, quốc tế; quan tâm phát triển hoạt động thể dục thể thao thành tích cao, tập trung vào các môn thế mạnh của tỉnh, cùng với phát triển thể dục thể thao quần chúng để tăng cường sức khỏe cho Nhân dân.

b) Giáo dục và đào tạo

Phát triển đồng bộ mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo, bao gồm công lập và ngoài công lập, từ cấp học mầm non đến đại học; xây dựng nền giáo dục mở, hiện đại, tiên tiến, có cơ cấu, phương thức phù hợp điều kiện thực tiễn địa phương, đảm bảo liên thông, phục vụ học tập suốt đời của người dân. Chú trọng giáo dục, đào tạo mang tính hội nhập, hình thành các cơ sở giáo dục, đào tạo chất lượng cao, tiệm cận với trình độ quốc tế, phát triển toàn diện năng lực của người học, hài hòa lợi ích nhà nước - người dân - nhà đầu tư theo phương châm tất cả học sinh đều được đến trường với chất lượng giáo dục ngày càng tốt hơn. Phát triển mạng lưới đi đôi với đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy theo hướng chuẩn hóa và tiến đến hiện đại, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo tại các

đô thị lớn, nơi có điều kiện; thực hiện tốt công tác phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng, đào tạo nghề quan tâm giáo dục cho trẻ khuyết tật, trẻ sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe

Phát triển hệ thống y tế hiện đại, đồng bộ, cân đối giữa các địa phương trong tỉnh; giữa y tế dự phòng, phục hồi chức năng với y tế điều trị. Khuyến khích phát triển các dịch vụ y tế chất lượng cao, kỹ thuật mũi nhọn, chuyên sâu ở các bệnh viện tuyến tỉnh, đồng thời với củng cố, kiện toàn y tế cơ sở, đảm bảo phòng chống dịch, chăm sóc sức khỏe ban đầu và điều trị các bệnh đơn giản. Mở rộng liên kết, hợp tác công tư các trung tâm y tế tuyến huyện và các trạm y tế tuyến xã để khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có và đáp ứng nhu cầu tại chỗ của Nhân dân. Phát triển hệ thống bác sĩ gia đình. Hình thành hệ thống trung tâm kiểm soát dịch bệnh đồng bộ, kết nối với mạng lưới kiểm soát bệnh tật quốc gia và thế giới, sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với các loại dịch bệnh trong tương lai. Đẩy mạnh số hóa và ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động khám và điều trị. Tăng cường thu hút nguồn lực xã hội đầu tư các bệnh viện kỹ thuật cao đạt tiêu chuẩn quốc tế kết hợp với loại hình du lịch nghỉ dưỡng và điều trị, chăm sóc sức khỏe.

d) An sinh xã hội

Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng đảm bảo an sinh xã hội. Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị; thực hiện bình đẳng giới; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội; hoàn chỉnh hệ thống bảo hiểm. Quan tâm cuộc sống cho thương bệnh binh, người có công, gia đình chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi, biên giới, hải đảo, người có thu nhập thấp, người khuyết tật, yếu thế. Tăng cường chăm sóc sức khỏe và tinh thần cho người hưu trí, người già, người cao tuổi. Thực hiện đầy đủ các quyền trẻ em, đảm bảo môi trường an toàn và lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện. Củng cố các cơ sở bảo trợ xã hội của nhà nước, tạo điều kiện cho các tổ chức thiện nguyện xây dựng các cơ sở bảo trợ xã hội chất lượng cao. Khuyến khích đầu tư các khu dưỡng lão, các trung tâm huấn luyện kỹ năng sống cho trẻ em, các dịch vụ chăm sóc thai sản. Nâng cao chất lượng sống mọi mặt của Nhân dân, bảo đảm hài hòa giữa đời sống vật chất và tinh thần; phấn đấu giảm nghèo bền vững, không tái nghèo, không còn nhà tạm. Hoàn thành sắp xếp dân cư miền núi và nâng cấp, xây mới nhà ở cho người có công; đảm bảo điều kiện chỗ ở cho công nhân và người có thu nhập thấp.

đ) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với đào tạo nguồn nhân lực đủ khả năng tiếp thu, làm chủ các công nghệ tiên tiến. Đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo, kết nối internet vạn vật, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học vào các lĩnh vực trọng tâm: công nghiệp chế biến chế tạo, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch, bảo vệ môi

trường, phòng chống thiên tai, phát triển đô thị, nông thôn, miền núi, cải cách hành chính, quản lý nhà nước... Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh để tạo động lực chính cho tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm tính bền vững. Hình thành khu công nghệ thông tin, các khu nông nghiệp, công nghiệp công nghệ cao.

e) Cải cách hành chính và chuyển đổi số

Phát triển chính quyền số một cách đồng bộ, kết nối xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, đưa các hoạt động của cơ quan nhà nước lên môi trường số dựa trên dữ liệu và công nghệ số để nâng cao hiệu quả hoạt động. Phát triển các nền tảng số, hệ thống thông tin, ứng dụng dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu số. Tái cấu trúc các ứng dụng dùng chung của tỉnh theo mô hình kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh, hình thành và phát triển kho dữ liệu tập trung, tiến tới hình thành dữ liệu lớn của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống, kết nối dữ liệu quốc gia, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến, giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; thương mại điện tử chiếm tỷ lệ cao trong thương mại toàn tỉnh; đảm bảo an toàn thông tin, xử lý kịp thời sự cố về an toàn, an ninh mạng.

3. Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội và phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

a) Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội

Đầu tư, phát triển theo mô hình cấu trúc không gian "hai vùng, hai cụm động lực, ba hành lang phát triển", phát huy tiềm năng và lợi thế địa kinh tế - văn hoá - chính trị để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hai vùng bao gồm vùng Đông và vùng Tây, trong đó:

+ Vùng Đông gồm các huyện, thị xã, thành phố đồng bằng ven biển: Là vùng động lực của tỉnh với các ngành kinh tế chủ đạo là kinh tế biển, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp; tập trung các đô thị lớn, trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh. Tam Kỳ là đô thị trung tâm hành chính, kinh tế, giáo dục, đào tạo; Hội An là đô thị sinh thái - văn hóa - du lịch, giao lưu quốc tế với các sản phẩm đặc sắc có chiều sâu văn hóa; Điện Bàn là đô thị phát triển công nghiệp, khoa học, đổi mới sáng tạo.

+ Vùng Tây gồm các huyện miền núi: Là vùng bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên; phát triển vùng nguyên liệu lâm sản và dược liệu quốc gia; kinh tế vườn, trang trại, chăn nuôi; khai thác thuỷ điện, khoáng sản; bảo vệ khu vực biên giới. Đô thị Khâm Đức - Phước Sơn và Thạnh Mỹ - Nam Giang là các đô thị chuyển tiếp, kết nối, giao lưu phát triển giữa khu vực đồng bằng tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng với Tây Nguyên và các nước trên hành lang quốc tế Đông - Tây. Tập trung

đầu tư các trục quốc lộ liên kết vùng Đông với vùng Tây để tạo động lực phát triển vùng Tây.

- Hai cụm động lực gồm:

+ Cụm Điện Bàn - Hội An - Đại Lộc: Là cực tăng trưởng phía Bắc của tỉnh, kết nối với các không gian kinh tế của thành phố Đà Nẵng. Hình thành chuỗi đô thị ven sông, ven biển thông qua các tuyến đường bộ và hệ thống sông Vu Gia, Thu Bồn, Cổ Cò; phát triển hành lang du lịch dựa trên tuyến giao thông đường thủy. Nâng cao chất lượng khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc và các cụm công nghiệp tại Điện Bàn. Điều chỉnh các cụm công nghiệp trên trục quốc lộ 14B huyện Đại Lộc theo hướng kết nối, mở rộng thành các khu công nghiệp với hạ tầng đồng bộ, môi trường đảm bảo; phát triển không gian đô thị Điện Bàn và Hội An gắn kết với đô thị hóa của thành phố Đà Nẵng, hình thành đô thị nghỉ dưỡng - giải trí ven biển và ven sông Cổ Cò.

+ Cụm Tam Kỳ - Núi Thành - Phú Ninh: Kết nối các không gian kinh tế của 03 đơn vị hành chính này thành khu vực phát triển kinh tế công nghiệp, dịch vụ logistic cảng biển, hàng không, thương mại, du lịch biển, y tế, giáo dục - đào tạo, đô thị thông minh, trong đó sáp nhập huyện Núi Thành với thành phố Tam Kỳ để phát triển thành đô thị loại I. Chu Lai là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, với hạt nhân là ngành công nghiệp cơ khí ô tô, tiếp tục tái cấu trúc đồng thời với tổ chức sản xuất các sản phẩm mới phù hợp với xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Liên kết với tỉnh Quảng Ngãi trở thành cực tăng trưởng kinh tế trọng điểm của tỉnh.

- Ba hành lang phát triển gồm:

+ Hành lang động lực kinh tế ven biển từ đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến ven biển: Tập trung các không gian công nghiệp sinh thái, công nghiệp công nghệ cao, du lịch xanh và chuỗi đô thị sông, biển gắn với cảng biển và Cảng hàng không Chu Lai.

+ Hành lang dọc đường Đông Trường Sơn và đường Hồ Chí Minh thuộc không gian phía Tây của tỉnh: Tập trung công nghiệp thuỷ điện, khai thác, chế biến khoáng sản, nông, lâm nghiệp, bảo tồn, phát huy văn hoá đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số; là cửa ngõ giao thương với các tỉnh Tây Nguyên và tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Hành lang dọc quốc lộ 14B và quốc lộ 14E nối lên quốc lộ 14D đến Cửa khẩu quốc tế Nam Giang: Là trục giao lưu với vùng kinh tế Tây Nguyên và Nam Lào - Bắc Campuchia.

b) Phương án sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã

- Đến năm 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các ĐVHC cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và

quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Đến năm 2030: Thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; ĐVHC cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; ĐVHC cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, ĐVHC ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các ĐVHC nông thôn đã được quy hoạch thành ĐVHC đô thị.

- Phương án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện theo Phương án tổng thể sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã của tỉnh Quảng Nam được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc xác định phạm vi, địa giới hành chính, tên địa lý cụ thể các ĐVHC cấp huyện, cấp xã sẽ được thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

- Phát triển các đô thị xanh, sinh thái, gắn với cảnh quan, môi trường tự nhiên có hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại và thông minh; quy hoạch và đầu tư xây dựng các thiết chế công cộng quan trọng như quảng trường, công viên cây xanh, công viên chuyên đề; các khu vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho các lứa tuổi.

- Gắn kết hài hòa phát triển giữa đô thị với thúc đẩy liên kết phát triển vùng. Nâng cao chất lượng đô thị hóa gắn với gia tăng hiệu quả kinh tế đô thị; nâng cấp đồng bộ về hạ tầng kinh tế, kỹ thuật, xã hội, công trình kiến trúc, nhà ở, chất lượng sống của người dân; chú trọng các công trình, dự án xây dựng thân thiện với môi trường. Phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, thông minh, giàu bản sắc, trở thành động lực và không gian phát triển mới. Đầu tư mở rộng đô thị tại các trung tâm hành chính cấp huyện, gắn kết với mạng lưới giao thông liên vùng, chú trọng chất lượng dịch vụ đô thị. Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế mở Chu Lai phù hợp với nhu cầu phát triển thực tế, nâng cao hiệu quả kinh tế, cảnh quan đô thị.

- Đến năm 2025, nâng cấp 02 đô thị Nam Phước và Hà Lam lên đô thị loại IV, hình thành 04 đô thị mới là Duy Nghĩa - Duy Hải, Bình Minh, Đại Hiệp, Tam Dân; tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 37%.

- Đến năm 2030, nâng cấp Hội An lên đô thị loại II, Điện Bàn lên đô thị loại III, Ái Nghĩa lên đô thị loại IV, hình thành 02 đô thị mới là Việt An và Kiểm Lâm; tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 40%.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

a) Định hướng phân bổ các điểm dân cư nông thôn

Phát triển khu vực nông thôn, miền núi hài hòa với quá trình đô thị hóa; phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng và đặc thù của từng vùng lãnh thổ. Tổ chức, phân bố các điểm dân cư nông thôn tách biệt với các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện để đảm bảo lưu thông hàng hoá thuận lợi trên các tuyến giao thông chính và an toàn cho các điểm dân cư. Đầu tư, tạo các liên kết về hạ tầng kỹ thuật, giao thông với đô thị để tạo điều kiện phát triển các hoạt động dịch vụ cho đô thị. Tập trung sắp xếp, ổn định dân cư miền núi, vùng thiên tai trên cơ sở phù hợp với địa hình, tránh di dời lớn, cải tạo mặt bằng nhiều dễ gây sạt lở đất.

b) Tổ chức lãnh thổ nông thôn gắn với phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Bố trí khu vực dân cư thuận lợi cho di chuyển đến các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, nông nghiệp sạch, an toàn, nông nghiệp sinh thái đô thị, nông nghiệp gắn với du lịch văn hóa, cộng đồng. Đầu tư hệ thống hạ tầng vùng sản xuất tập trung, vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ tiên tiến. Phát triển kinh tế lâm nghiệp và tổ chức trồng cây công nghiệp, dược liệu có giá trị kinh tế cao gắn liền với sơ chế, chế biến thô tại các huyện miền núi, chế biến sâu tại các khu công nghiệp. Hình thành các cụm chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học và đảm bảo khoảng cách đến khu dân cư theo đúng quy định.

c) Phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

Bố trí sắp xếp ổn định dân cư nông thôn hướng đến hình thành các điểm dân cư theo tiêu chí nông thôn mới, phù hợp với quy hoạch nông thôn mới và các quy hoạch khác có liên quan. Hạn chế việc đô thị hóa tự phát ở khu vực nông thôn. Nâng cao chất lượng các tiêu chí để xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu cấp huyện, xã gắn với du lịch cộng đồng. Quy hoạch kết nối nông thôn với đô thị, kết nối giữa các vùng miền.

3. Phương án phát triển các khu chức năng

a) Phương án phát triển khu kinh tế

Tiếp tục phát triển 02 khu kinh tế trọng điểm là Khu kinh tế mở Chu Lai và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang.

- Thu hút nguồn lực của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai theo hướng khu kinh tế biển đa ngành, đa lĩnh vực, trở thành một trong những hạt nhân, trung tâm phát triển lớn của vùng và cả nước với đột phá chính là ngành cơ khí lắp ráp, chế tạo ô tô, điện khí và các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí, tự động hóa, điện tử và các sản phẩm sau khí quy mô quốc gia. Hình thành trung tâm chế biến dược liệu quốc gia, trung tâm công nghiệp silica của khu vực miền Trung. Khai thác tối đa công năng và năng lực của hệ thống cảng biển, sân bay. Phát triển các khu phi thuế quan gắn với cảng biển, sân bay là các trung tâm sản xuất, gia công, chế tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao và các hoạt động thương mại, dịch vụ đặc thù. Hình thành các đô thị mới hiện đại, sinh thái; các khu du lịch cao cấp.

- Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang là khu kinh tế logistics, cửa ngõ quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung kết nối với vùng Nam Lào, Đông Bắc Thái Lan thông qua tuyến đường bộ hành lang quốc tế Đông - Tây. Xây dựng cảng cạn gắn với hệ thống cảng biển Quảng Nam, Đà Nẵng, Dung Quất; đẩy mạnh các hoạt động kho bãi, phân loại, đóng gói, trung chuyển... sử dụng lực lượng lao động tại chỗ là chủ yếu.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

b) Phương án phát triển khu công nghiệp

Rà soát, điều chỉnh quy mô các khu công nghiệp đang triển khai, loại bỏ phần diện quy hoạch không phù hợp, tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng và thu hút đầu tư. Bổ sung các khu công nghiệp mới tại Điện Bàn, Đại Lộc, Quế Sơn, Thăng Bình, Hiệp Đức, Phú Ninh, Tiên Phước, gắn với hành lang các tuyến quốc lộ, cao tốc trên địa bàn tỉnh và các tuyến tỉnh lộ thuận lợi. Các khu công nghiệp phía Đông đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi phát triển theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, tập trung thu hút các ngành công nghiệp hạn chế phát thải ra môi trường, có giá trị gia tăng cao, sử dụng đất và năng lượng tiết kiệm.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

c) Phương án phát triển cụm công nghiệp

Sắp xếp và phân bố các cụm công nghiệp hợp lý gắn với các chính sách, giải pháp quản lý, đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường, hiệu quả sử dụng đất, thu hút đầu tư, giải quyết việc làm tại chỗ. Bố trí các cụm công nghiệp gần với các nguồn nguyên liệu, đảm bảo khoảng cách phù hợp với các khu đô thị và khu dân cư. Bổ sung các cụm công nghiệp gắn với chế biến nông lâm sản, dược liệu, khoáng sản, vật liệu xây dựng tại khu vực các huyện miền núi hoặc các xã miền núi thuộc khu vực đồng bằng. Quản lý chặt chẽ việc xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp. Chuyển đổi hình thức nhà nước đầu tư quản lý cụm công nghiệp sang hình thức nhà nước hỗ trợ giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng ngoài

hàng rào cụm công nghiệp; hạ tầng bên trong cụm công nghiệp do doanh nghiệp đầu tư, quản lý, khai thác.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

d) Phương án phát triển các khu du lịch

Định hướng phát triển không gian du lịch dựa trên giá trị và sự phân bố của các nguồn tài nguyên du lịch, kết cấu hạ tầng và nhu cầu của khách du lịch trên 04 không gian chính:

- Không gian phát triển du lịch di sản văn hóa - lịch sử, gồm Khu di sản văn hoá thế giới Mỹ Sơn, Khu di sản văn hóa thế giới Hội An gắn với Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm. Khai thác thế mạnh du lịch văn hoá tham quan di tích, du lịch nghiên cứu văn hóa kết hợp với du lịch trải nghiệm. Bảo tồn và phát huy hợp lý các di sản văn hóa thế giới.

- Hình thành không gian phát triển du lịch ven biển Duy Xuyên - Thăng Bình kết nối không gian du lịch Hội An trên cơ sở phát huy các giá trị tự nhiên sông - biển. Xây dựng các trung tâm hội thảo, hội nghị, trung tâm thương mại, các khu vui chơi giải trí và các khu nghỉ dưỡng, sân gôn cao cấp, các công trình thể thao tiêu chuẩn Olympic.

- Không gian phát triển du lịch sinh thái kết hợp tìm hiểu bản sắc văn hóa các dân tộc tại các huyện miền núi phía Tây của tỉnh. Tập trung bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, đa dạng sinh học, phát triển du lịch cộng đồng, ẩm thực địa phương.

- Không gian phát triển du lịch nông thôn ở những khu vực có điều kiện. Tập trung xây dựng các khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu gắn với văn hóa vùng miền; duy trì hoạt động các làng nghề và sản xuất các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, OCOP, hướng đến trở thành các sản phẩm du lịch.

4. Phương án phát triển khu vực có vai trò động lực

- Tập trung nguồn lực đầu tư mạng lưới hạ tầng then chốt vùng Đông. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ vướng mắc khó khăn trong giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thu hút nguồn lực xã hội để tham gia đầu tư phát triển các hạ tầng trọng yếu như sân bay, cảng biển, khu công nghiệp, khu phi thuế quan, khu đô thị, khu du lịch - giải trí - thể thao - tổ chức sự kiện, khu xử lý rác thải, nước thải, các công trình cấp điện, cấp nước, hạ tầng thông tin, viễn thông. Tăng cường thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, khai thác du lịch, thương mại, dịch vụ, giải quyết việc làm, đóng góp cho ngân sách tỉnh.

- Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động hình thành các đô thị khang trang, hiện đại. Chú trọng các ngành sản xuất, kinh doanh gắn với nguyên liệu tại khu vực nông thôn, miền núi. Sắp xếp lại rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng trồng ven biển phù hợp với quy hoạch phát triển vùng Đông, tạo điều kiện phát

triển kinh tế gắn với phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, dịch vụ.

5. Phương án phát triển khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp, dược liệu gắn với khoanh nuôi, bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng, phục hồi đa dạng sinh học và hệ sinh thái rừng. Xây dựng lực lượng bảo vệ rừng chuyên nghiệp kết hợp với sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ rừng. Cho thuê dịch vụ môi trường rừng để trồng dược liệu và khai thác du lịch sinh thái, gắn với du lịch cộng đồng tại các các thôn, bản. Phát triển các sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt hữu cơ và các sản phẩm OCOP.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp từ nguồn nguyên liệu tại chỗ; ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp chế biến nông lâm, khoáng sản; thực hiện nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ thủy điện để tạo thêm thu nhập cho người dân.

- Hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi nghề đối với người lao động thiếu đất sản xuất. Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch bền vững; giải quyết những vấn đề cấp thiết như bình đẳng giới, xoá mù chữ, suy dinh dưỡng trẻ em.

- Củng cố hệ thống y tế cơ sở và đầu tư y tế tuyến huyện miền núi, đảm bảo đáp ứng phần lớn công tác khám chữa bệnh thông thường ở miền núi. Đầu tư hệ thống trường lớp kiên cố kết hợp phòng tránh thiên tai; quan tâm đến các cơ sở bán trú, nội trú. Đẩy nhanh hoàn thành sắp xếp dân cư gắn với hình thành các điểm dân cư, khu dân cư có đời sống ổn định. Đầu tư hệ thống giao thông kết nối các vùng sản xuất với các tuyến đường tỉnh lộ, quốc lộ để thuận tiện vận tải hàng hóa miền núi với đồng bằng.

6. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Xây dựng, củng cố khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh. Gắn kết hợp tác quốc phòng với các lĩnh vực khác, nhất là giữa đối ngoại quốc phòng với an ninh và kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh. Giữ vững chủ quyền an ninh biên giới trên đất liền, biển, đảo. Thực hiện kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển. Mở rộng quan hệ hợp tác, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải

- Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh với 05 loại hình giao thông gồm đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa, đường biển, đường hàng không theo hướng hiện đại, phù hợp với định hướng quy hoạch quốc gia; bảo đảm kết nối nội vùng và liên vùng theo các trục hành lang kinh tế ven

biển, hành lang kinh tế Đông - Tây, kết nối đồng bộ với cả nước và liên thông quốc tế. Lấy các đầu mối giao thông cảng hàng không, cảng biển Quảng Nam, cửa khẩu quốc tế Nam Giang làm trọng điểm; nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch các trục quốc lộ kết nối Đông - Tây như 14D, 14B, 14G, 14H, 40B, 24C và hoàn thiện các trục kết nối Bắc - Nam, các trục kết nối phục vụ các khu chức năng trong Khu kinh tế mở Chu Lai; hình thành mạng lưới giao thông trọng yếu liên kết vùng từ đồng bằng đến miền núi, kết nối thông suốt giữa Khu kinh tế mở Chu Lai với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang và khu vực Tây Nguyên, các nước theo hành lang quốc tế Đông - Tây.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống đường tỉnh gắn kết các hành lang kinh tế, khu kinh tế và các đô thị; phát triển các tuyến đường huyện có tính kết nối liên huyện để nâng cấp thành các tuyến đường tỉnh. Xây dựng các cầu qua sông Trường Giang, Cổ Cò với công nghệ hiện đại, kiến trúc độc đáo phù hợp với cảnh quan đô thị ven biển và thúc đẩy phát triển du lịch. Phát triển hệ thống giao thông thông minh liên vùng; xây dựng các khu vực bến, bãi đỗ xe thuận tiện trong các đô thị, các bãi xe thông minh tại các khu vực trọng điểm. Mở rộng và cứng hóa cơ bản các trục đường giao thông nông thôn kết nối đến đường trục xã.

- Đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Chu Lai với quy mô sân bay đạt cấp 4F, là trung tâm công nghiệp - dịch vụ hàng không quốc tế với các hoạt động vận tải hành khách, hàng hoá, logistics hàng không; trung tâm đào tạo và huấn luyện bay; trung tâm sửa chữa bảo dưỡng các loại máy bay, sản xuất linh phụ kiện ngành hàng không; gắn kết với khu phi thuế quan và các khu công nghiệp công nghệ cao, hình thành trung tâm sản xuất, chế tác, gia công các sản phẩm công nghệ cao, giá trị cao, xuất nhập khẩu đường hàng không.

- Đầu tư tuyến luồng mới Cửa Lở kết nối vào các khu bến Tam Hiệp, Tam Hòa, Tam Giang,... đảm bảo tiếp nhận tàu có tải trọng đến 50.000 DWT gắn với khu phi thuế quan, khu công nghiệp, cảng hàng không, ga đường sắt; hình thành trung tâm logistics đa phương tiện. Xây dựng cảng biển Quảng Nam trở thành trung tâm cảng biển - dịch vụ logistics container của miền Trung - Tây Nguyên, là đầu mối hàng hoá quan trọng của hành lang quốc tế Đông - Tây.

- Từng bước đầu tư nạo vét luồng các tuyến sông Cổ Cò, Trường Giang, Thu Bồn, khai thác vận tải đường thủy nội địa theo hướng Bắc - Nam, Đông - Tây kết nối với các đảo trong khu vực Quảng Nam, Quảng Ngãi và các khu du lịch, đô thị Đà Nẵng - Hội An - Duy Hải, Duy Nghĩa - Bình Minh - Tam Kỳ - Núi Thành; phát triển đồng bộ hệ thống cảng, bến thủy nội địa, bến bãi tập kết vật liệu xây dựng theo quy hoạch, bảo đảm kết nối hệ thống giao thông đường thủy nội địa với các loại hình giao thông khác.

- Phát triển hệ thống ga đường sắt gắn với các tuyến đường sắt qua địa bàn tỉnh theo quy hoạch đường sắt quốc gia, tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện hữu, tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam và tuyến đường sắt Đà Nẵng - Tây Nguyên. Nghiên

cứu đầu tư 02 tuyến đường sắt đô thị kết nối vào mạng lưới đường sắt đô thị của thành phố Đà Nẵng, bao gồm tuyến kết nối từ cảng hàng không quốc tế Chu Lai và tuyến kết nối từ thành phố Hội An.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

a) Phương án phát triển năng lượng

Thực hiện theo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Tiếp tục thực hiện các dự án đã được quy hoạch trong thời kỳ trước và đẩy mạnh phát triển các dự án năng lượng theo tiềm năng của địa phương; khai thác tối đa tiềm năng các nguồn thủy điện, tận dụng nguồn thủy năng trên các hồ thủy lợi, hồ chứa nước để khai thác thủy điện; đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (điện gió trên bờ và ngoài khơi, điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác, ...), năng lượng mới, năng lượng sạch (hydro, amoniac xanh,...), đặc biệt là các nguồn điện tự sản, tự tiêu, điện mặt trời mái nhà phù hợp điều kiện thực tế, nhu cầu của tỉnh và phù hợp với Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo môi trường, bảo vệ rừng và an ninh nguồn nước.

- Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây 500kV, 220kV, 110kV, các trạm và đường dây trung, hạ thế đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu phụ tải, đặc biệt là các phụ tải các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu du lịch. Từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế; đảm bảo đạt và duy trì tiêu chí điện theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới; đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho các vùng sâu, vùng xa.

(Chi tiết tại Phụ lục VI, VII, VIII)

3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin truyền thông

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng viễn thông phục vụ kết nối số cho người dân. Tập trung phát triển hạ tầng di động băng rộng 4G/5G, phủ sóng mạng di động và mạng cáp quang băng rộng đến tất cả các thôn, bản, khu vực dân cư tập trung, làm cơ sở quan trọng cho sự phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số của Quảng Nam; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng; thực hiện phủ sóng các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Kết hợp tăng cường dùng chung cơ sở hạ tầng viễn thông đối với các ngành, lĩnh vực. Đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng ngầm, ngầm hóa hạ tầng ngoại vi tại các khu vực yêu cầu cao về mỹ quan; khu vực các tuyến, đường, phố chính tại thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An, thị xã

Điện Bàn và trung tâm các huyện; khu du lịch, di tích; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư mới.

- Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet của tỉnh sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới; mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị, thanh toán không dùng tiền mặt, để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tích hợp, bổ sung hạng mục hạ tầng viễn thông, ứng dụng, kết nối mạng IoT, cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số có chọn lọc, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; phát triển các doanh nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số có khả năng dẫn dắt làm chủ công nghệ, cung cấp sản phẩm số, giải pháp phần mềm phục vụ kinh tế số, chính quyền số, đô thị thông minh được đưa vào ứng dụng thực tế trên địa bàn tỉnh và các địa phương khác trên cả nước.

- Phát triển bưu chính trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, thương mại điện tử và logistics. Phát triển ngành báo chí, truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; chuyển đổi số các cơ quan báo chí nòng cốt. Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC) kết nối với hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin, phát triển bền vững trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ để phục vụ chính quyền số.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp thoát nước

- Phát triển hệ thống thủy lợi có trọng tâm, trọng điểm, áp dụng công nghệ hiện đại, từng bước đồng bộ, phục vụ cấp nước đa ngành, đa mục tiêu. Phát triển thành 06 vùng cấp nước thủy lợi gồm: thượng nguồn Vu Gia, Thu Bồn, lưu vực sông Ly Ly, hạ lưu Vu Gia - Thu Bồn, Bắc hồ Phú Ninh, Nam hồ Phú Ninh. Kết nối liên thông, điều hòa cung ứng bảo đảm an ninh nguồn nước cho nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp, du lịch, đô thị, dịch vụ và các ngành kinh tế khác; gắn với các vùng tiêu thoát nước: Điện Nam, Đại Thắng, Xuân Phú, Duy Xuyên, Bàu Bàng - Tam Đàn, Tam Xuân.

Nạo vét các sông Cổ Cò, Tam Kỳ, Bàn Thạch, Trường Giang để tăng cường khả năng tích trữ và kịp thời thoát nước, chống ngập úng, hướng đến phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Khai thác hợp lý các công trình cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp hiện có, từng bước đầu tư nâng cấp, mở rộng và đầu tư xây dựng mới theo phân vùng cấp nước, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước toàn tỉnh. Ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung tại khu vực vùng Đông; xây dựng mạng lưới cấp nước tập trung tại

các khu vực trung tâm huyện, xã, kết nối phục vụ liên xã, đáp ứng nhu cầu sử dụng. Nguồn nước chủ yếu từ hồ Phú Ninh, hệ thống sông Thu Bồn - Vu Gia.

(Chi tiết tại Phụ lục IX, X)

5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

- Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý chất thải. Xây dựng 03 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực Bắc Quảng Nam, Nam Quảng Nam và thành phố Hội An. Tại mỗi huyện, thị xã, thành phố, lựa chọn vị trí phù hợp hình thành ít nhất 01 khu xử lý chất thải đảm bảo dự phòng khi có sự cố tại khu vực đồng bằng. Ưu tiên áp dụng các công nghệ tái chế, xử lý chất thải tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường, kết hợp thu hồi năng lượng hoặc công nghệ tái sản xuất phân bón hữu cơ, hạn chế tối đa lượng chất thải chôn lấp trực tiếp.

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường thu gom về các khu xử lý tập trung cấp vùng hoặc địa phương; chất thải rắn tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chất thải y tế thu gom về khu xử lý chất thải rắn cấp vùng; riêng chất thải rắn nguy hại phải được thu gom, xử lý tại các khu vực xử lý chuyên dụng. Đối với nước thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, nước thải y tế phải được thu gom xử lý, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa - thể thao

Nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, tạo lập không gian sinh hoạt văn hóa cho mọi lứa tuổi. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá hoạt động thể dục thể thao, trở thành phong trào sâu rộng với nhiều chủ thể, nhiều nguồn lực. Phát huy tối đa hiệu quả của các thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là nhà văn hóa, nhà thi đấu, sân vận động. Hình thành Khu liên hợp thể thao đáp ứng yêu cầu tổ chức một số giải thi đấu thể thao cấp vùng, quốc gia. Phát triển khoảng 10 sân gôn đạt tiêu chuẩn phục vụ thể thao, du lịch trong nước và quốc tế tại Tam Kỳ, Điện Bàn, Núi Thành, Thăng Bình, Duy Xuyên, Đại Lộc, Nông Sơn. Phát triển sâu rộng, bền vững hoạt động thể dục thể thao, phát triển thể thao thành tích cao, tập trung vào các bộ môn trong hệ thống Asiad và Olympic và những bộ môn thế mạnh của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp

- Đầu tư hệ thống trường lớp chuẩn thuộc các bậc học; nâng cấp, hoàn thiện các trường phổ thông bán trú, nội trú miền núi. Xây dựng một số trường tiên tiến, ứng dụng công nghệ giảng dạy, học tập hiện đại tại các trung tâm đô thị lớn. Phát triển các trường tư thục chất lượng cao, dạy ngoại ngữ.

- Tập trung đầu tư phát triển hệ thống cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, tiệm cận chất lượng đào tạo, trình độ các nước Asean - 4, có kỹ năng nghề phù hợp tiêu chuẩn khu vực và quốc tế, phục vụ phát triển các ngành nghề trọng điểm của tỉnh và vùng động lực miền Trung. Thu hút nhân tài phục vụ công tác hoạch định chiến lược và trực tiếp làm việc trong các ngành nghề, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh.

- Xây mới các khu giáo dục đào tạo để hình thành trung tâm giáo dục phía Bắc gắn với Đại học Đà Nẵng; phía Nam theo mô hình đô thị đại học để trở thành một trong những trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao hàng đầu, tiêu chuẩn quốc tế đối với một số lĩnh vực của vùng.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

3. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng y tế

- Phát triển hợp lý hệ thống y tế thông minh; đầu tư hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng phát triển y tế số, khám chữa bệnh từ xa. Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút các nguồn lực xây dựng, phát triển các cơ sở y tế chất lượng cao; thu hút các bệnh viện tư nhân chất lượng cao, hướng tới tiêu chuẩn cấp vùng, khu vực và quốc tế.

- Tiếp tục đầu tư xây mới, nâng cấp, phát triển hạ tầng cơ sở y tế, mở rộng quy mô giường bệnh; phát triển kỹ thuật mũi nhọn y tế chuyên sâu. Tập trung hoàn thiện đồng bộ hạ tầng các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh. Ưu tiên đầu tư nâng cấp hệ thống trung tâm y tế tuyến huyện. Cải tạo, nâng cấp, hệ thống trạm y tế đạt tiêu chí y tế trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới. Phát triển mạnh y tế chăm sóc sức khỏe gắn với du lịch nghỉ dưỡng.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

4. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

- Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo hướng xã hội hoá. Thu hút đầu tư các viện dưỡng lão chất lượng cao; xây dựng, phát triển các cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người già neo đơn, không nơi nương tựa; quan tâm đảm bảo cuộc sống cho người có công, gia đình chính sách.

- Mở rộng, nâng cao năng lực hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, trung tâm điều dưỡng người tâm thần, cơ sở cai nghiện ma tuý, đảm bảo quy mô, năng lực tiếp nhận phù hợp nhu cầu thực tiễn. Đầu tư nâng cấp các trung tâm dịch vụ việc làm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường lao động, kết nối thông suốt với hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm trong tỉnh, khu vực và cả nước, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

5. Phương án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại cho các tổ chức khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo công lập, nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu, làm chủ công nghệ để chuyển giao ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống. Hình thành Trung tâm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo xếp hạng quốc gia và khu vực trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, cơ khí chính xác, tự động hóa. Đầu tư đơn vị phân tích, kiểm định tập trung, chuyên sâu của tỉnh với các trang thiết bị hiện đại, đủ năng lực phân tích, kiểm định chất lượng phục vụ chung cho công tác quản lý về tiêu chuẩn, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm của các ngành khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường, y tế, nông nghiệp.

- Xây dựng trung tâm công nghệ sinh học để tổ chức nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học, dược liệu; hình thành khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phục vụ bảo tồn các giống cây trồng quý hiếm, sản xuất nông nghiệp an toàn, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

- Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ tư vấn, tìm kiếm, môi giới, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, hỗ trợ phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Tập trung đầu tư, xây dựng và phát triển Trung tâm thông tin và thống kê khoa học và công nghệ của tỉnh. Khuyến khích xã hội hóa hoạt động dịch vụ thông tin, thống kê khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Nghiên cứu xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn

- Phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy, đáp ứng yêu cầu về lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện, doanh trại; khuyến khích các cơ sở sản xuất quy mô lớn tự xây dựng đội và trụ sở doanh trại cho lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ của riêng mình. Phân bố không gian hạ tầng phòng cháy chữa cháy theo vùng, định hướng mỗi đơn vị cấp huyện có tối thiểu 01 đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, ưu tiên các huyện khu vực đồng bằng; bố trí xây dựng tại các địa điểm thuận lợi về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc.

- Đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Chú trọng bảo vệ các khu dân cư, các cơ quan, cơ sở sản xuất kinh doanh, các công trình văn hóa, các khu rừng. Phát huy sức mạnh của toàn xã hội, sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích; đẩy mạnh xã hội hóa; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại, tiến tới đạt tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

7. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ

- Xây dựng và hình thành các trung tâm logistics tại Khu Kinh tế mở Chu Lai gắn với Cảng biển Quảng Nam, Cảng hàng không quốc tế Chu Lai; trung tâm logistics tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Nam Giang.

- Xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm tại thành phố Tam Kỳ, thành phố Hội An và huyện Núi Thành. Xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị tập trung chủ yếu tại Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn và mỗi trung tâm huyện đầu tư ít nhất 01 siêu thị hoặc trung tâm thương mại với quy mô phù hợp.

- Xúc tiến đầu tư xây dựng chợ đầu mối nông súc sản miền Trung - Tây Nguyên tại huyện Thăng Bình với quy mô cấp vùng; xây dựng ít nhất 07 chợ đầu mối và các chợ biên giới tại cửa khẩu Nam Giang, cửa khẩu Tây Giang. Tiếp tục nâng cấp, cải tạo, xây dựng chợ truyền thống, chợ đô thị, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ các chợ; đầu tư xây dựng hình thành các tuyến phố đêm, khu chợ đêm gắn với các điểm du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt đảm bảo đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh và khu vực.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực tài nguyên đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phần chỉ tiêu bổ sung trong kỳ Quy hoạch theo nhu cầu phát triển của tỉnh được thực hiện khi có quyết định điều chỉnh, bổ sung của cấp có thẩm quyền.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

- Vùng liên huyện phía Đông: Là vùng động lực của tỉnh Quảng Nam gồm các huyện, thị xã, thành phố theo đơn vị hành chính thuộc khu vực đồng bằng. Định hướng là vùng kinh tế tổng hợp, các ngành kinh tế chủ đạo là kinh tế biển, dịch vụ, du lịch, công nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao; là khu vực tập trung các đô thị lớn, nơi bố trí trung tâm hành chính của tỉnh, các trung tâm giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao lớn của tỉnh; là đầu mối giao thông, giao lưu của tỉnh

Quảng Nam nói riêng và của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung nói chung; có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

- Vùng liên huyện phía Tây: Gồm các huyện theo đơn vị hành chính thuộc khu vực miền núi. Định hướng là vùng trồng trọt, chế biến nông, lâm, dược liệu và du lịch; công nghiệp thuỷ điện, khoáng sản, kinh tế cửa khẩu; cửa ngõ kết nối giữa vùng kinh tế trọng điểm miền Trung Việt Nam với các tỉnh Nam Lào, Đông - Bắc Thái Lan; vùng quan trọng trong giữ gìn ổn định chính trị, tăng cường công tác đối ngoại, đảm bảo an ninh biên giới đất liền.

2. Quy hoạch xây dựng vùng huyện

- Vùng huyện Thăng Bình: Là khu vực trung tâm của tỉnh, có chức năng kết nối, điều phối phát triển các ngành, lĩnh vực; phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại và du lịch ven biển.

- Vùng huyện Phú Ninh: Là vùng bảo tồn rừng phòng hộ đảm bảo điều tiết lũ và bảo vệ môi trường; khai thác hợp lý giá trị cảnh quan sinh thái tự nhiên phát triển du lịch; vùng nguyên liệu và sản xuất chế biến nông lâm sản.

- Vùng huyện Duy Xuyên: Là trung tâm phát triển đô thị, dịch vụ, công nghiệp; phía Tây phát huy giá trị di sản văn hóa Mỹ Sơn, phía Đông phát triển du lịch sinh thái ven biển gắn kết với đô thị cổ Hội An.

- Vùng huyện Đại Lộc: Là một trong những vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Quảng Nam, tiếp giáp với thành phố Đà Nẵng, có vai trò quan trọng trong sự kết nối kinh tế Trung Trung Bộ với Tây Nguyên; phát triển nông nghiệp, dịch vụ và công nghiệp.

- Vùng huyện Quế Sơn, Nông Sơn: Là vùng phát triển du lịch làng quê sông nước, công nghiệp, dịch vụ, thương mại gắn với nông lâm, khoáng sản; cung cấp nguyên vật liệu chế biến nông lâm sản gắn với phát triển các làng nghề truyền thống; thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp chế biến thực phẩm, chăn nuôi, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Vùng huyện Hiệp Đức: Là vùng phát triển về công nghiệp, dịch vụ thương mại của tỉnh. Tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, đặc biệt là kết cấu hạ tầng khu vực miền núi giàu tài nguyên thiên nhiên, phát triển vùng nông nghiệp và trang trại.

- Vùng huyện Tiên Phước: Là vùng bảo tồn rừng phòng hộ đảm bảo điều tiết lũ và bảo vệ môi trường; phát triển trồng rừng gỗ lớn, cây nguyên liệu và sản xuất chế biến nông lâm sản; hình thành các mô hình kinh tế vườn, kinh tế trang trại.

- Vùng huyện Phước Sơn: Là cửa ngõ của tỉnh Quảng Nam kết nối với khu vực Tây Nguyên; trung tâm kết nối một số huyện miền núi; phát triển công nghiệp, nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; phát triển trồng rừng gỗ lớn, cây nguyên liệu, dược liệu.

- Vùng huyện Bắc Trà My: Phát triển nông, lâm nghiệp và dược liệu; khai thác năng lượng thủy điện phù hợp, đảm bảo điều kiện môi trường; phát triển dịch vụ du lịch gắn với cảnh quan tự nhiên các hồ thủy điện, di tích lịch sử cách mạng, văn hoá đặc trưng của đồng bào dân tộc.

- Vùng huyện Nam Giang: Là khu vực phát triển thương mại dịch vụ, kinh tế biên mậu gắn với cửa khẩu quốc tế Nam Giang; khu vực phát triển chế biến lâm sản, vật liệu xây dựng và khai thác tiềm năng du lịch sinh thái rừng.

- Vùng huyện Đông Giang: Là vùng nguyên liệu, dược liệu, phát triển và sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; tập trung, bảo tồn và phát huy làng nghề thủ công truyền thống, giá trị văn hóa Cơ Tu gắn với phát triển du lịch.

- Vùng huyện Nam Trà My: Là huyện miền núi phía Tây tỉnh Quảng Nam, cửa ngõ thông thương trong quan hệ vùng Tây Nguyên; vùng tập trung phát triển các loại cây dược liệu dưới tán rừng với sâm Ngọc Linh là sản phẩm chủ lực.

- Vùng huyện Tây Giang: Là khu vực có vai trò kết nối giao lưu kinh tế, văn hóa, du lịch phía Tây Bắc của tỉnh, phát triển cửa khẩu phụ Tây Giang - Kạ Lừm thành cửa khẩu chính; phát triển nông lâm nghiệp, năng lượng và cung ứng các nguyên vật liệu phục vụ công nghiệp; bảo tồn đa dạng sinh học.

IX. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Phương án bảo vệ môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm: Các Vườn quốc gia Sông Thanh, Bạch Mã; các Khu dự trữ thiên nhiên gồm Cù Lao Chàm, Ngọc Linh, Bà Nà - Núi Chúa; các Khu bảo tồn loài và sinh cảnh gồm Sao La, Voi, Chà Vá chân xám tại Tam Mỹ Tây; các nguồn nước cấp sinh hoạt; các đô thị loại II, III; Khu bảo vệ 1 của Khu di tích lịch sử văn hoá Mỹ Sơn và các di tích lịch sử - văn hóa.

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm: Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt trên; các khu bảo vệ cảnh quan, khu bảo tồn đất ngập nước, vùng đất ngập nước quan trọng; các hành lang đa dạng sinh học; các hành lang bảo vệ nguồn nước mặt cấp nước sinh hoạt; các khu dân cư tập trung tại các đô thị loại IV, loại V.

- Vùng khác: Các vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Bảo vệ, phát huy giá trị và sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên quốc gia, quốc tế đã thành lập, gồm các vườn quốc gia, các khu dự trữ thiên nhiên; các khu bảo tồn loài và sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan di tích văn hóa, lịch sử và các hệ thống rừng đặc dụng, các rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn. Thành lập mới

Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Chà Vá chân xám tại Tam Mỹ Tây; Khu dự trữ thiên nhiên Lim xanh; Khu bảo vệ cảnh quan Chiến Thắng tại Núi Thành và Nam Trà My; Khu bảo tồn đất ngập nước hạ lưu sông Thu Bồn; Khu bảo tồn biển Tam Hải.

- Bảo vệ các nguồn gen đặc hữu, quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng; nguồn gen giống cây trồng, vật nuôi bản địa, các loài đặc hữu, nguy cấp có giá trị; bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái đặc thù, có giá trị cao về đa dạng sinh học, có vai trò lớn trong bảo vệ môi trường, phát triển du lịch, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển có hiệu quả các nguồn gen có giá trị. Kiểm soát hiệu quả loài ngoại lai xâm hại và có nguy cơ xâm hại.

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Duy trì mạng lưới quan trắc môi trường hiện có; phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc các thành phần môi trường khi cần thiết. Xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, quan trắc môi trường nước và môi trường không khí. Xây dựng và phát triển 40 trạm, điểm quan trắc môi trường nước mặt; 21 điểm quan trắc môi trường nước dưới đất; 07 trạm, điểm quan trắc nước biển ven bờ; 40 trạm, điểm quan trắc môi trường không khí; 06 điểm quan trắc đất và 07 điểm quan trắc trầm tích.

d) Bảo vệ môi trường tại các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

- Các khu xử lý chất thải phải đảm bảo cách ly các khu dân cư, đô thị; không gần khu vực đầu nguồn nước, đầu hướng gió; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh và thu gom xử lý nước rỉ rác triệt để; sử dụng công nghệ tiên tiến và hiện đại.

- Khoanh vùng đóng cửa các nghĩa trang không đảm bảo cách ly trong các khu dân cư, đô thị; hình thành các nghĩa trang tập trung đảm bảo khoảng cách theo quy định, khuyến khích xã hội hóa mô hình công viên nghĩa trang.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên. Thăm dò, khai thác và chế biến tại các khu, điểm mỏ khoáng sản phải theo quan điểm phát triển bền vững, không gây tổn hại môi trường, lãng phí tài nguyên khoáng sản.

- Quản lý khai thác vàng theo hướng bền vững, sử dụng công nghệ tiên tiến, hạn chế tối đa ô nhiễm môi trường; thành lập một số nhà máy chế biến tại các địa điểm phù hợp để gia tăng giá trị.

- Khai thác cát trắng, tận thu cát trắng tại các địa điểm triển khai xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở, công nghiệp, khu kinh tế,… để phục vụ cho việc phát triển trung tâm công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ silica.

- Phát triển các cơ sở công nghiệp hóa chất, sản xuất vật liệu chịu lửa từ nguồn nguyên liệu dolomit tại địa phương. Phát triển hợp lý ngành vật liệu xây dựng, ưu

tiên vật liệu mới. Khai thác có hiệu quả và đáp ứng nhu cầu xây dựng tại địa phương đối với khai thác vật liệu xây dựng thông thường.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX, XX, XXI)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Tài nguyên nước được phân thành 06 tiểu lưu vực chính: Thượng nguồn sông Vu Gia, thượng nguồn sông Thu Bồn, sông Ly Ly, hạ lưu sông Vu Gia - Thu Bồn, Bắc sông Tam Kỳ - Trường Giang, Nam sông Tam Kỳ - Trường Giang. Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng trong kỳ quy hoạch theo thứ tự ưu tiên: Nhu cầu nước cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; nhu cầu nước duy trì dòng chảy tối thiểu; nhu cầu nước cho nông nghiệp; nhu cầu nước cho công nghiệp; nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác. Trong điều kiện bình thường, nguồn nước phân bổ đáp ứng tối đa 100% nhu cầu sử dụng nước cho các đối tượng sử dụng trong toàn tỉnh; trường hợp hạn hán, thiếu nước thì tỷ lệ phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước là sinh hoạt 100%, công nghiệp 80%, chăn nuôi 100%, trồng trọt 85%, thuỷ sản 80%.

- Triển khai cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước. Xây dựng, duy trì, mở rộng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước; xây dựng và nâng cấp hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác và phòng ngừa, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất. Khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; đảm bảo dòng chảy tối thiểu trên các hệ thống sông. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các nguồn thải.

- Xây dựng các công trình phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, phòng chống lũ. Hoàn thiện, nâng cấp mạng lưới các trạm cảnh báo thiên tai hiện có. Rà soát các công trình đập dâng, hồ chứa nước đã xuống cấp để gia cố, nâng cấp. Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng. Thực hiện các giải pháp phòng ngừa và kiểm soát nguồn thải; kiểm kê tài nguyên nước. Tăng cường trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai, xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai. Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, xói lở bờ sông, bờ biển. Bảo đảm an toàn công trình, vùng hạ du đập, hồ chứa.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động lưu lượng lũ về các hồ chứa thủy điện, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc ra quyết định điều tiết lũ. Chủ động phòng tránh bão lũ theo các cấp độ rủi ro thiên tai, nhất là tại khu vực ven biển, ven sông, vùng có khả năng cao về lũ ống, lũ quét. Bảo đảm an toàn cho các đô thị, khu dân cư, hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, du lịch và các lĩnh vực khác.

Sắp xếp dân cư khu vực miền núi; xây dựng các chòi tránh bão, lũ cho Nhân dân tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của bão, lũ.

- Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống kết cấu hạ tầng. Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các phương án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến thiên tai, tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, hoạt động kinh tế - xã hội và các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực, nhằm xác định tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra. Xây dựng Trung tâm điều hành phòng chống thiên tai cấp tỉnh hiện đại, ứng dụng khoa học công nghệ trong giám sát và điều hành.

X. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng và phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội, xác định một số dự án dự kiến ưu tiên thực hiện theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để đầu tư từ ngân sách nhà nước và thu hút đầu tư; tiến độ thực hiện các dự án sẽ tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực của địa phương trong thời kỳ quy hoạch. Khi khả năng nguồn lực đáp ứng, xem xét bổ sung đầu tư một số dự án khác phù hợp với định hướng phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII)

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Quảng Nam dựa trên 04 trụ cột chính là du lịch; công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp năng lượng; thương mại, dịch vụ logistics và nông, lâm nghiệp và thủy sản ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tiết giảm các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp bằng ứng dụng công nghệ số, xây dựng chính quyền số. Phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo, tái đào tạo, chuyển đổi nghề, thu hút nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh giao lưu quốc tế, hợp tác với các tập đoàn đa quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực, phát triển và chuyển giao công nghệ. Cải thiện năng suất lao động theo hướng thúc đẩy chuyển dịch lao động từ ngành năng suất thấp sang ngành năng suất cao kết hợp với đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ. Khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh có lợi thế như du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp năng lượng, sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao. Khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi số và triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Đẩy mạnh liên kết phát triển các dịch vụ thương mại, logitics phát triển chuỗi sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp, du lịch.

2. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành thu, chi ngân sách và đầu tư công; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, tài sản công ở tất cả các cấp ngân sách. Tái cơ cấu, tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững, tăng cường giải pháp tăng thu ngân sách, chống thất thu thuế, sử dụng rộng rãi hóa đơn điện tử. Nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý, sử dụng vốn; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hoàn thành đúng tiến độ các dự án, đảm bảo chất lượng công trình. Ưu tiên bố trí phù hợp các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thúc đẩy thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn theo phương châm "lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư".

- Lựa chọn, thu hút các nhà đầu tư chiến lược có khả năng dẫn dắt, hình thành hệ sinh thái các ngành kinh tế trọng điểm. Tập trung thu hút vốn đầu tư theo phương thức đối tác công - tư trong phát triển hạ tầng chiến lược, đảm bảo đồng bộ, hiện đại, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông, sân bay, cảng biển.

3. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng nhanh quy mô và nâng cao chất lượng dân số, thúc đẩy tăng trưởng dân số cơ học. Chú trọng đầu tư nhà ở công nhân, nhà ở xã hội và nhà ở cho nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia, gắn với các thiết chế văn hóa để đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động làm việc, sinh sống lâu dài tại Quảng Nam.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế, đặc biệt đối với các ngành trọng điểm về công nghiệp chế biến, dược liệu, dược phẩm, mỹ phẩm, chế tạo, xây dựng, du lịch, hàng không, cảng biển. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp.

- Thu hút, kêu gọi đầu tư khu giáo dục đại học theo tiêu chuẩn quốc tế tại Quảng Nam để hình thành 02 trung tâm gồm phía Bắc tại Điện Bàn gắn kết với thành phố Đà Nẵng và phía Nam gắn với Khu kinh tế mở Chu Lai theo mô hình đô thị đại học để trở thành một trong những trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao hàng đầu đối với một số lĩnh vực của vùng.

4. Giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ

- Áp dụng tiêu chuẩn của các nước phát triển về quản lý môi trường; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên trên tất cả các ngành, lĩnh vực. Đẩy mạnh hợp tác liên tỉnh với các địa phương lân cận trong công tác bảo vệ môi trường, nhất là liên quan đến bảo vệ môi trường biển, lưu vực các sông, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và xử lý ô nhiễm giữa các khu vực giáp ranh, khu vực chung; đồng thời, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phát triển khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường.

- Đẩy nhanh tốc độ ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin dựa trên nền tảng số đối với tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Huy động mạnh mẽ nguồn lực của xã hội và doanh nghiệp đầu tư cho khoa học và công nghệ. Khuyến khích các doanh nghiệp lập quỹ khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ đặt ra trong quá trình phát triển của doanh nghiệp.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Tăng cường hợp tác chặt chẽ với các tỉnh, thành phố lân cận, các địa phương trong vùng và cả nước trên từng lĩnh vực cụ thể, nhằm tranh thủ đà tăng trưởng và lợi thế của các địa phương để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hợp tác trên cơ sở cùng có lợi, tạo dựng mối quan hệ lâu dài, bền vững. Tăng cường thúc đẩy mối liên kết với thành phố Đà Nẵng trong xây dựng kết cấu hạ tầng và phân bổ các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đào tạo nhân lực; giữa Khu kinh tế mở Chu Lai với Khu kinh tế Dung Quất để hình thành Trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực duyên hải Trung Bộ và cả nước.

- Đẩy mạnh hợp tác biên giới với nước bạn Lào và hợp tác quốc tế, tăng cường thúc đẩy hoạt động sản xuất, thương mại và du lịch. Tích cực thiết lập quan hệ hợp tác với các địa phương nước ngoài, nâng cao hình ảnh, vị thế tỉnh Quảng Nam, hiện thực hóa tầm nhìn và mục tiêu phát triển tỉnh Quảng Nam trong từng giai đoạn.

6. Giải pháp quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Nghiên cứu áp dụng các mô hình thực tiễn quản lý phát triển đô thị, nông thôn ở một số nước, một số khu vực có điều kiện tương đồng với tỉnh. Ứng dụng kỹ thuật tiên tiến và thực hiện đồng bộ các chính sách, thiết chế để triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết đô thị. Quản lý giám sát chặt chẽ việc xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng lân cận.

- Quản lý, giám sát xây dựng nông thôn mới có bản sắc riêng gắn với đô thị hoá hợp lý các khu vực trung tâm của nông thôn và các điểm dân cư nông thôn. Chú trọng bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường văn hóa, xã hội đặc trưng của các vùng nông thôn, miền núi. Tổ chức thực hiện và theo dõi chặt chẽ quá trình tái định cư, sắp xếp dân cư, đảm bảo sự phát triển bền vững.

7. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế

hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, thường xuyên giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo quy định.

- Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới các quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện huyện, vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo hướng đồng bộ.

- Đổi mới công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu với cơ chế quản lý hiệu lực, hiệu quả để triển khai thực hiện thành công Quy hoạch.

XII. BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Phụ lục XXIII.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

1. Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam:

a) Hoàn thiện hồ sơ quy hoạch để thống nhất với Quyết định phê duyệt quy hoạch; cập nhật cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ.

b) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy hoạch.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Thực hiện các yêu cầu, nội dung bảo vệ môi trường khi triển khai các dự án thực hiện Quy hoạch, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững; tổ chức quan trắc, giám sát, quản lý môi

trường; lưu giữ cơ sở dữ liệu, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ quá trình chuyển đổi số trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

e) Thực hiện rà soát nội dung Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng được quyết định hoặc phê duyệt và kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt điều chỉnh trong trường hợp có nội dung mâu thuẫn so với quy hoạch cấp cao hơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

3. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện ban hành kèm theo Quyết định này phải phù hợp với các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này và phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch khác có liên quan; đồng thời, người chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư phù hợp với tiến độ, tình hình thực tế và phải bảo đảm thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và các quy định pháp luật có liên quan.

Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về: (i) tính chính xác của các nội dung, thông tin, dữ liệu, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ quy hoạch; bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bí mật nhà nước và pháp luật có liên quan khác; (ii) phụ lục các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, phương án phát triển các khu chức năng, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội và danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này; bảo đảm tính đồng bộ, không chồng lấn, xung đột giữa các nội dung của các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, bảo đảm phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định pháp luật có liên quan; (iii) nội dung tiếp thu, giải trình, bảo lưu ý kiến

của các bộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình tham gia ý kiến, thẩm định và rà soát hồ sơ quy hoạch; (iv) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết nêu tại Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024; (v) đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án thuộc danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện (nếu có): chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp các quy định hiện hành.

5. Các bộ, cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trong quá trình thực hiện Quy hoạch; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trong việc nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tỉnh ủy Quảng Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (3).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà